TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206*/2023/QĐST/HNGĐ*

M, ngày 30 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, THÀNH PHỐ H

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 197/2023/TLST-VHNGĐ ngày 19/6/2023, giữa:

Người yêu cầu:

1. Anh **Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1989.

HKTT: Thôn Y, xã T, huyện M, TP. H.

2. Chị **Phạm Thị H2**, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn Y, xã T, huyện M, TP. H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 94/2016, ngày 05/10/2016, tại UBND xã T, huyện M, thành phố H.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận của các đương sự ngày 22/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Anh Nguyễn Ngọc H1 và chị Phạm Thị H2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Vợ chồng có 02 con chung: Là Nguyễn Minh K, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2017 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2020. Giao cả 02 con chung là cháu K và cháu P cho anh H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi; chị H2 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1. Sau khi ly hôn chị H2 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở..

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ**: Không yêu cầu, không xem xét.

- **Về lệ phí:** Anh H1 tự nguyện nộp toàn bộ số tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh H1 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2020/0021136 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND M.*
- *Chi cục THADS M.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định